

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

TẬP

3

*SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
Ở NGA*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2005

câu gửi cho Người tất cả những cuốn sách bằng tiếng Nga có thể gửi được - trong số sách của Người - và "thậm chí gửi *toàn bộ* những tài liệu thống kê" mà Người rất mong mỗi nhận được và muốn "sửa lại *toàn bộ*".

1905 - 1907

Lê-nin chuẩn bị cho tái bản cuốn sách của mình "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", đưa một số những điểm bổ sung quan trọng vào một số chương.

1907

Tháng Bảy.

Trong khi trú ở Phần-lan, Lê-nin viết lời tựa cho lần xuất bản thứ 2 của cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga".

1908

Tháng Ba.

Trong tập "Biên niên sách", số 10 có đăng tin đã tái bản, có bổ sung, cuốn sách của Lê-nin "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga".

MỤC LỤC

| | |
|-----------------------|----------|
| Lời nhà xuất bản..... | |
| Lời tựa | VII-XVII |

I

| | |
|---|-------|
| SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở NGA. <i>Quá trình hình thành thị trường trong nước của công nghiệp lớn.....</i> | 1-669 |
| <i>Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất.....</i> | 5 |
| <i>Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai.....</i> | 13 |
| <i>Chương I. Những sai lầm lý luận của các nhà kinh tế học dân túy.....</i> | 21-66 |
| I. Sự phân công xã hội | 21 |
| Số lượng các ngành công nghiệp tăng lên 21. — Sự hình thành thị trường trong nước do kết quả của sự phân công xã hội 22 - 23. — Sự biểu hiện của quá trình ấy trong nông nghiệp 23 - 24. — Quan điểm của những nhà kinh tế dân túy 23 - 24. | |
| II. Nhân khẩu công nghiệp tăng lên làm cho nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống | 24 |
| Mối liên hệ tất yếu của hiện tượng này với chính bản chất của kinh tế hàng hóa và kinh tế tư bản chủ nghĩa 24 - 26. | |
| III. Sự phá sản của những người sản xuất nhỏ..... | 26 |
| Quan điểm sai lầm của những người dân túy 27 - 28. — Quan điểm của tác giả bộ "Tư bản" về vấn đề này 28 - 29. | |
| IV. Lý luận của phái dân túy về việc không thể thực hiện được giá trị ngoại ngạch | 29 |

| | |
|---|----------|
| Thực chất của học thuyết của các ông V. V. và N. — ôn, tính chất sai lầm của học thuyết đó 29 - 32. — Việc gắn một cách không đúng "thị trường bên ngoài" với vấn đề thực hiện 31 - 35. — Sự đánh giá hồi hợt của các tác giả nói trên về những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản 35 - 36. | |
| V. Những quan điểm của A. Xmit về việc sản xuất và lưu thông toàn bộ sản phẩm xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa và sự phê phán của Mác đối với những quan điểm đó..... | 36 |
| A. Xmit bỏ qua tư bản cố định 36 - 39. — Ảnh hưởng của sai lầm này đối với học thuyết thu nhập quốc dân 39 - 40. | |
| VI. Lý luận của Mác về thực hiện | 41 |
| Những luận cứ cơ bản trong học thuyết của Mác 41 - 43. — Sự thực hiện sản phẩm trong tái sản xuất giản đơn 43 - 44. — Kết quả cơ bản của lý luận của Mác về thực hiện 45 - 46. — Ý nghĩa của sự tiêu dùng sản xuất 46 - 49. — Sự mâu thuẫn giữa xu hướng sản xuất tăng vô hạn và tính chất hạn chế của tiêu dùng 49 - 53. | |
| VII. Lý luận về thu nhập quốc dân | 53 |
| Pru-đông 53 - 55. — Rốt-béc-tút 55 - 57. — Những nhà kinh tế học hiện đại 57 - 58. — Mác 58 - 60. | |
| VIII. Tại sao một nước tư bản chủ nghĩa cần có thị trường ngoài nước? | 60 |
| Nguyên nhân của sự cần thiết có thị trường ngoài nước 60 - 63. — Thị trường ngoài nước và tính chất tiến bộ của chủ nghĩa tư bản 62 - 63. | |
| IX. Kết luận chương I..... | 64 |
| Tóm tắt những luận điểm đã được xét đến ở trên 64 - 65. — Thực chất của vấn đề thị trường trong nước 65 - 66 | |
| Chương II. Sự phân hóa của nông dân..... | 67 - 224 |
| I. Thống kê của các hội đồng địa phương về miền Nga Mới | 67 |
| Phân nhóm kinh tế nông dân 67 - 68. — Nông nghiệp thương phẩm và việc mua bán sức lao động 68 - 70. — Nhóm cao nhất; sự tập trung ruộng đất 71, sự tập | |

| | |
|--|-----|
| trung súc vật cày kéo và nông cụ 72, năng suất lao động cao nhất 73 - 74. — Sự suy xét của ông V. V. về tình trạng không có ngựa 74. — Việc thuê mướn công nhân nông nghiệp và sự suy luận của ông V. V. về hiện tượng này 75 - 76. — Nhóm nông dân loại dưới; việc cho thuê ruộng 77 - 78. — Nhóm giữa, tình trạng không ổn định của nhóm này 79 - 80. — Các ông V. V. và Ca-rư-sép bàn về việc nông dân thuê ruộng 81 - 85. — Thái độ của phái dân túy đối với công trình nghiên cứu của ông Pô-xơ-ni-cốp 85 - 86. | |
| II. Số liệu thống kê của các hội đồng địa phương về tỉnh Xa-ma-ra..... | 86 |
| Những tài liệu về kinh tế của các nhóm nông dân ở huyện Nô-vô-u-den-xơ 86 - 90 — Sở hữu ruộng đất và sự sử dụng ruộng đất ở các nhóm khác nhau 90 - 92. — Ông Ca-rư-sép bàn về việc thuê ruộng đất và về giá cả lúa mì 92. — Lao động làm thuê; sự hình thành thị trường trong nước do kết quả sự phân hóa của nông dân 93 - 94. — Giai cấp vô sản nông thôn ở tỉnh Xa-ma-ra 95 - 96. | |
| III. Thống kê của các hội đồng địa phương về tỉnh Xa-ra-tốp..... | 96 |
| Những tài liệu về kinh tế của các nhóm khác nhau 96 - 98. — Việc thuê mướn công nhân nông nghiệp 98 - 99. — "Các nghề phụ" trong thống kê của các hội đồng địa phương 99 - 100. — Chế độ thuê ruộng 101 - 103. — Những nghị luận của các ông Ca-rư-sép, N. -ôn, Ma-rét-xơ về chế độ thuê ruộng 101 - 108. — So sánh huyện Ca-mư-sin với các huyện khác 108 - 109. — Ý nghĩa của vấn đề phân nhóm các hộ nông dân 110 - 114. | |
| IV. Thống kê của các hội đồng địa phương về tỉnh Péc-mơ.. | 114 |
| Những tài liệu về kinh tế của các nhóm khác nhau 114 - 118. — Việc thuê mướn công nhân và người làm công nhật và ý nghĩa của việc thuê mướn ấy 117 - 120. — Việc bón ruộng 120 - 121. — Những công cụ cải tiến 121 - 122. — Các doanh nghiệp công thương 122 - 123. | |
| V. Thống kê của các hội đồng địa phương về tỉnh Ô-ri-ôn. | 124 |

| | |
|---|-----|
| Những tài liệu về kinh tế của các nhóm khác nhau 124 - 126. — Bức tranh thiếu đầy đủ về sự phân hóa, căn cứ theo các tài liệu về tỉnh Ô-ri-ôn 126 - 128. | |
| VI. Thống kê của các hội đồng địa phương về tỉnh Vô-rô-ne-giơ. 128 | 128 |
| Các phương pháp phân nhóm trong các tập tài liệu của tỉnh Vô-rô-ne-giơ 128 - 129. — Các tài liệu về huyện Đa-đôn-xơ 130 - 131. — Các nghề phụ 132 - 135. | |
| VII. Thống kê của các hội đồng địa phương về tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt..... 135 | 135 |
| Những tài liệu về các nhóm nông hộ ở 3 huyện 135 - 139. | |
| VIII. Nhìn qua những tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương các tỉnh khác..... 139 | 139 |
| Tỉnh Nốp-gô-rốt, huyện Đê-mi-an-xơ 140 - 141. — Tỉnh Tséc-ni-gốp, huyện Cô-đê-lét-xơ 141. — Tỉnh Ê-ni-xây-xơ 142 - 143. — Tỉnh Pôn-ta-va, ba huyện 143 - 144. — Tỉnh Ca-lu-ga 144 - 145. — Tỉnh Tve 145 - 146. | |
| IX. Tổng hợp những con số đã phân tích trên đây trong những tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương về sự phân hóa của nông dân 146 | 146 |
| Các phương pháp tổng hợp 146 - 149. — Biểu đồ tổng hợp và bản đồ giải 150 - 153 và 162 - 163. — Phân tích các cột trong bản đồ giải 154 - 162. — So sánh các địa phương xét về mức độ phân hóa 162 - 163. | |
| X. Những tài liệu tổng hợp của thống kê của các hội đồng địa phương và của cuộc điều tra về ngựa chiến..... 164 | 164 |
| Các tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương về 112 huyện của 21 tỉnh 164 - 165. — Các tài liệu của cuộc điều tra về ngựa chiến có liên quan đến 49 tỉnh của phần nước Nga thuộc châu Âu 166. — Ý nghĩa của các tài liệu ấy 167 - 169. | |
| XI. So sánh những cuộc điều tra về ngựa chiến trong những năm 1888 - 1891 và 1896 - 1900 169 | 169 |
| Những tài liệu về 48 tỉnh của phần nước Nga thuộc châu Âu 169 - 172. — Những trò ảo thuật của các ông Vi-khli-a-ép và Tséc-nen-cốp trong lĩnh vực thống kê 172 - 173. | |

| | |
|---|-----------|
| XII. Thống kê của các hội đồng địa phương về quỹ chi thu của nông dân..... 173 | 173 |
| Tính chất các tài liệu và các phương pháp chỉnh lý 173 - 175. — (A). Kết quả chung của các quỹ chi thu 175 - 184. — Mức chi và thu 175 - 177. — Các loại chi 176. — Các loại thu 177 - 179. — Các khoản tiền trong quỹ chi thu 180 - 182. — Ý nghĩa của thuế má 182 - 184. — (B). Nhận xét sự canh tác của nông dân 184 - 192. — Các tài liệu tổng quát về các nông hộ 184 - 186. — Tài sản và nông cụ 186 - 188. — Các khoản chi về kinh doanh 188 - 189. — Thu về nông nghiệp 190. — Một hiện tượng tưởng chừng là ngoại lệ 190 - 192. — (C). Đánh giá mức sống 192 - 204. — Khoản chi bằng hiện vật về ăn uống 192 - 193. — Khoản chi bằng tiền về ăn uống 193 - 194. — Các khoản chi khác về tiêu dùng cá nhân 194 - 195. — Khoản chi bằng tiền về tiêu dùng cá nhân và tiêu dùng sản xuất 196. — Ông N. — ôn nói về "tầng lớp" nông dân thượng lưu 197 - 198. — So sánh mức sống của nông dân và công nhân nông nghiệp 198 - 201. — Các phương pháp của ông Séc-bi-na 201 - 204. | |
| XIII. Kết luận của chương II 204 | 204 |
| Ý nghĩa của sản xuất hàng hóa 204. — 1) Những mâu thuẫn tư bản chủ nghĩa bên trong công xã 204 - 206. — 2) "Tình trạng phi nông dân hóa" 206 - 207. — 3) Nhận xét quá trình này trong bộ "Tư bản" 207 - 209. — 4) Giai cấp tư sản nông thôn 209 - 211. — 5) Giai cấp vô sản nông thôn. Loại hình chung về công nhân nông nghiệp có phần ruộng được chia ở châu Âu 211 - 216. — 6) Trung nông 216. — 7) Sự hình thành thị trường trong nước cho chủ nghĩa tư bản 216 - 217. — 8) Sự phân hóa tăng lên; ý nghĩa của các cuộc di chuyển 217 - 218. — 9) Tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay. Cách đặt vấn đề này trong lý luận. Mối liên hệ của các hình thức tư bản này với tư bản công nghiệp 219 - 222. — 10) Chế độ lao dịch và ảnh hưởng của nó đối với sự phân hóa trong nông dân 222 - 224. | |
| Chương III. Bước chuyển của địa chủ từ kinh tế điều dịch sang kinh tế tư bản chủ nghĩa..... 227 - 305 | 227 - 305 |

| | |
|---|-----|
| I. Những đặc điểm cơ bản của kinh tế điều dịch | 227 |
| Thực chất của chế độ kinh tế nông nô và những điều kiện của chế độ kinh tế đó 227 - 229. | |
| II. Sự kết hợp chế độ kinh tế điều dịch với chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa | 230 |
| Những tàn dư của chế độ cũ sau cải cách 230 - 231. — Chế độ lao dịch và chế độ tư bản chủ nghĩa 231 - 233; mức độ phổ biến tương đối của các chế độ đó 233 - 237. — Bước chuyển từ chế độ lao dịch sang chế độ tư bản chủ nghĩa 237. | |
| III. Đặc trưng của chế độ lao dịch..... | 238 |
| Các hình thức lao dịch 238 - 239. — Các hình thức tô hiện vật và ý nghĩa của hình thức ấy 240 - 241. — Việc trả công trong chế độ lao dịch 241 - 244. — Sự lệ thuộc thân thể trong chế độ lao dịch 245 - 246. — Đánh giá chung chế độ lao dịch 246 - 247. | |
| IV. Sự suy sụp của chế độ lao dịch..... | 247 |
| Hai hình thức lao dịch 247 - 249. — Ý nghĩa của quá trình phân hóa trong nông dân 249 - 251. — Ý kiến của ông Xtê-bút 252 - 253. — Những ý kiến trong các trước tác 253 - 254. | |
| V. Thái độ của phái dân túy về vấn đề ấy..... | 254 |
| Sự lý tưởng hóa chế độ lao dịch 254 - 256. — Những nghị luận của ông Ca-blu-cốp 257 - 260. | |
| VI. Lịch sử kinh doanh của En-ghen-hác | 260 |
| Tình hình kinh doanh lúc đầu và tính chất của những biến đổi dần dần của sự kinh doanh ấy 260 - 265. | |
| VII. Việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp..... | 265 |
| Bốn thời kỳ trong quá trình phát triển của ngành chế tạo máy móc nông nghiệp 265 - 268. — Sự thiếu sót của thống kê chính thức 267 - 270. — Các tài liệu về tình hình sử dụng các loại máy móc nông nghiệp 270 - 277. | |
| VIII. Ý nghĩa của máy móc trong nông nghiệp | 277 |
| Tính chất tư bản chủ nghĩa của việc sử dụng máy móc 277 - 280. — Những kết quả của việc áp dụng | |

| | |
|--|-----------|
| máy móc 280 - 285. — Sự thiếu triệt để của phái dân túy 286 - 287. | |
| IX. Lao động làm thuê trong nông nghiệp | 287 |
| "Những nghề nông nghiệp làm ở ngoài làng" 287 - 288, ý nghĩa của các nghề ấy 287 - 288, quy mô những nghề ấy 288 - 289. — Số lượng công nhân nông nghiệp trong toàn bộ phần nước Nga thuộc châu Âu 290 - 293. | |
| X. Ý nghĩa của lao động làm thuê tự do trong nông nghiệp | 293 |
| Tình cảnh của công nhân nông nghiệp 293 - 295. — Các hình thức thuê mướn đặc biệt 295 - 298. — Tình cảnh của những công nhân làm cho các chủ nhỏ và chủ lớn 298 - 299. — Những mầm mống của chế độ kiểm soát xã hội 299 - 302. — Sự đánh giá của phái dân túy về tình trạng đi kiếm nghề phụ nông nghiệp ở ngoài làng 302 - 305. | |
| <i>Chương IV. Sự phát triển của nền nông nghiệp thương phẩm</i> | 306 - 410 |
| I. Số liệu tổng quát về sản xuất nông nghiệp ở Nga sau cải cách và về những hình thái nông nghiệp thương phẩm | 306 |
| Sản xuất ngũ cốc và khoai tây trong các năm 1864 - 1866, 1870 - 1879, 1883 - 1887, 1885 - 1894 306 - 308. — Việc trồng khoai tây và ý nghĩa của việc đó 307 - 309. — Các vùng nông nghiệp thương phẩm 309 - 310. — Những nghị luận của ông Ca-blu-cốp 311 - 312. | |
| II. Vùng ngũ cốc thương phẩm..... | 312 |
| Sự chuyển dịch của trung tâm cơ bản sản xuất ngũ cốc 312 - 313. — Ý nghĩa của các vùng ngoại vi về mặt là những khu doanh điền 313 - 315. — Tính chất tư bản chủ nghĩa của nông nghiệp trong vùng này 315 - 319. | |
| III. Miền chăn nuôi có tính chất thương phẩm. Tài liệu chung về sự phát triển của công nghiệp sữa..... | 319 |
| Ý nghĩa của chăn nuôi trong các vùng 319 - 322. — Sự tính toán của các ông Cô-va-lép-xki và Lê-vít-xki 319. — Sự phát triển của nghề làm pho-mát 322 - | |

| | |
|---|-----|
| 325. — Sự thiếu sót của các số liệu chính thức 322 - 323. — Tiến bộ kỹ thuật 325 - 326. | |
| IV. Tiếp theo. Kinh tế của các doanh nghiệp địa chủ trong miền núi trên..... | 327 |
| Hợp lý hóa trong nông nghiệp 327. — "Các trung tâm thu thập sữa" và ý nghĩa của chúng 328 - 330. — Sự hình thành của thị trường trong nước 330 - 331. — Sự di chuyển của công nhân nông nghiệp đến các tỉnh công nghiệp 331 - 332. — Sự phân phối đều đặn công việc trong một năm 332 - 335. — Sự lệ thuộc của những người tiểu nông và sự đánh giá của ông V. V. về sự lệ thuộc ấy 335 - 337. | |
| V. Tiếp theo. Sự phân hóa của nông dân trong vùng sản xuất sữa..... | 337 |
| Tình hình phân bố về bò sữa ở nông dân 337 - 339. — Những chi tiết về huyện Xanh Pê-téc-bua 340 - 342. — "Những trào lưu tiến bộ trong kinh tế nông dân" 342 - 344. — Ảnh hưởng của sự tiến bộ đó đối với bản nông 346. | |
| VI. Vùng trồng lan..... | 346 |
| Sự phát triển của nghề trồng lan để bán 346 - 349. — Sự trao đổi giữa các hình thức nông nghiệp thương phẩm 349 - 350. — "Những thái cực" trong vùng trồng lan 350 - 351. — Những cải tiến kỹ thuật 351 - 353. | |
| VII. Việc chế biến nông sản | 353 |
| Ý nghĩa của phương pháp công xưởng hay phương pháp kỹ thuật trong nông nghiệp 353 - 354. | |
| 1) Nghề cất rượu | 354 |
| Sự phổ biến của nghề cất rượu trong nông nghiệp 354 - 355. — Sự phát triển của nghề cất rượu bằng khoai tây và ý nghĩa của nó 355 - 358. | |
| 2) Nghề làm đường củ cải..... | 358 |
| Sự phát triển của sản xuất củ cải đường 358 - 359. — Tiến bộ của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa 359 - 361. | |
| 3) Nghề làm bột khoai tây..... | 362 |
| Sự phát triển của nghề này 362 - 363. — Hai quá trình | |

| | |
|--|-----------|
| trong sự phát triển của nghề này 363. — "Nghề" làm bột ở tỉnh Mát-xcơ-va 363 - 366 và ở tỉnh Vla-đi-mia 366 - 367. | |
| 4) Nghề ép dầu..... | 367 |
| Quá trình hai mặt trong sự phát triển của nghề đó 367. — "Các thợ thủ công" làm nghề ép dầu 368 - 369. | |
| 5) Nghề trồng thuốc lá..... | 370 |
| VIII. Nghề trồng rau và nghề trồng cây ăn quả để bán; nông nghiệp ngoại thành | 374 |
| Sự phát triển của nghề làm vườn 374 - 375 và của nghề trồng rau có tính chất thương mại 375 - 376. — Nông dân làm nghề trồng rau ở các tỉnh Xanh Pê-téc- bua, Mát-xcơ-va, I-a-rô-xláp 376 - 378. — Nghề trồng cây trong nhà kính 378 - 379. — Nghề trồng dưa để bán 379 - 381. — Nông nghiệp ngoại thành và các đặc điểm của nó 381 - 383. | |
| IX. Kết luận về vai trò của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp Nga | 383 |
| 1) Về sự chuyển hóa nông nghiệp thành một nghề kinh doanh 383. — 2) Những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp 383 - 385. — 3) Sự hình thành thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản 385 - 386. — 4) Vai trò lịch sử tiến bộ của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp Nga 386 - 393. | |
| X. Những lý luận của phái dân túy về chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. "Sự rối việc trong mùa đông"..... | 393 |
| Tính chất chật hẹp và khuôn sáo của lý luận này 393 - 395. — Lý luận ấy bỏ qua những mặt quan trọng nhất của quá trình 395 - 400. | |
| XI. Tiếp theo. — Công xã. — Ý kiến của Mác về nền nông nghiệp nhỏ. — Kiến giải của Ăng-ghe-n về khủng hoảng nông nghiệp hiện nay | 400 |
| Phái dân túy đặt không đúng vấn đề công xã 400 - 403. — Họ không hiểu một đoạn trong bộ "Tư bản" 403. — Sự đánh giá của Mác về nông nghiệp của nông dân 405. — Sự đánh giá của Mác về chủ nghĩa tư bản nông nghiệp 405 - 406. — Ông N. — Ôn trích dẫn không đạt 406 - 410. | |
| Chương V. Những giai đoạn đầu tiên của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp..... | 411 - 479 |
| I. Công nghiệp gia đình và nghề thủ công | 411 |

| | |
|--|-----|
| Những tàn dư của công nghiệp gia đình 411 - 412. — Mức độ phổ biến của nghề thủ công 412 - 414, những đặc điểm cơ bản của nó 414 - 415. | |
| II. Những người tiểu sản xuất hàng hóa trong công nghiệp. Tinh thần phường hội trong các nghề tiểu thủ công..... | 415 |
| Bước chuyển từ nghề thủ công sang sản xuất hàng hóa 415 - 417. — Sự sợ hãi cạnh tranh 417 - 420. | |
| III. Sự phát triển của các nghề thủ công nhỏ sau cải cách. Hai hình thức và ý nghĩa của quá trình đó..... | 420 |
| Nguyên nhân phát triển của các nghề thủ công nhỏ 420 - 421. — Sự di cư của những thợ thủ công ra các vùng ngoại vi 421 - 422. — Sự phát triển của các nghề thủ công nhỏ trong dân cư địa phương 422 - 425. — Sự di chuyển của tư bản 425 - 427. — Mối liên hệ giữa sự phát triển của các nghề thủ công nhỏ với sự phân hóa trong nông dân 427 - 428. | |
| IV. Sự phân hóa của những người tiểu sản xuất hàng hóa. Những tài liệu điều tra từng hộ những thợ thủ công trong tỉnh Mát-xcơ-va..... | 428 |
| Cách đặt vấn đề 428 - 429. — Phương pháp chỉnh lý tài liệu 429 - 431. — Bản tổng hợp và bản đồ giải 432 - 433 và 437. — Những kết luận: Lao động làm thuê 433 - 436, năng suất lao động 436 - 440, thu nhập 440 - 441. — Chế độ tiểu tư sản trong các nghề thủ công 442. | |
| V. Hiệp tác giản đơn tư bản chủ nghĩa..... | 443 |
| Ý nghĩa của nó và ảnh hưởng đối với sản xuất 443 - 447. — Các ác-ten 447 - 448. | |
| VI. Tư bản thương nghiệp trong các nghề thủ công nhỏ. Những điều kiện làm xuất hiện chủ bao mua 448 - 451. — Những con buôn trong nghề ren 451 - 454. — Những thí dụ về tổ chức tiêu thụ 454 - 456. — Quan điểm của phái dân túy 456 - 457. — Những hình thức của tư bản thương nghiệp 458 - 460. | 448 |
| VII. "Nghề thủ công và nông nghiệp"..... | 460 |
| Những số liệu của biểu đồ 460 - 462. — Nông nghiệp của công nhân làm thuê 462 - 463. — "Công nhân làm ruộng" 463 - 465. — Những tài liệu khác về nghề thủ công và nông nghiệp 465 - 469. — Độ dài của thời gian lao | |

| | |
|--|-----------|
| động 470. — Tóm tắt 470 - 472. | |
| VIII. "Sự kết hợp giữa nghề thủ công với nông nghiệp" | 472 |
| Lý luận của phái dân túy 472 - 473. — Các hình thức của sự kết hợp giữa nghề thủ công với nông nghiệp và ý nghĩa khác nhau của các hình thức ấy 473 - 475. | |
| IX. Một vài nhận xét về nền kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa ở nông thôn nước ta | 476 |
| <i>Chương VI. Công trường thủ công tư bản chủ nghĩa và lao động làm ở nhà cho nhà tư bản.....</i> | 480 - 568 |
| I. Sự hình thành ra công trường thủ công và những đặc điểm chủ yếu của nó | 480 |
| Khái niệm công trường thủ công 480, hai nguồn gốc của công trường thủ công 480 - 481 và ý nghĩa của nó 481 - 482. | |
| II. Công trường thủ công tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp Nga | 482 |
| 1) Nghề dệt..... | 482 |
| 2) Những ngành khác của công nghiệp dệt. Nghề nện dạ | 487 |
| 3) Nghề làm mũ, nghề sản xuất gai và dây thừng..... | 491 |
| 4) Nghề làm đồ gỗ..... | 496 |
| 5) Nghề chế biến sản phẩm súc vật. Nghề làm da thực và da lông..... | 502 |
| 6) Các nghề khác chế biến sản phẩm súc vật..... | 511 |
| 7) Nghề chế biến khoáng sản | 516 |
| 8) Nghề chế biến kim loại. Nghề thủ công ở Pa- vlô-vô..... | 518 |
| 9) Các nghề khác chế biến các kim loại..... | 523 |
| 10) Nghề làm đồ trang sức, nghề làm xa-mô-va và phong cầm..... | 526 |
| III. Kỹ thuật trong công trường thủ công. Sự phân công và ý nghĩa của nó | 533 |
| Sản xuất thủ công 533 - 534, học nghề 533 - 534. — Phân công với tính cách là giai đoạn chuẩn bị để đi | |

| | |
|--|-----------|
| đến đại công nghiệp cơ khí 535 - 537, ảnh hưởng của phân công đối với công nhân 537 - 538. | |
| IV. Sự phân công khu vực và sự tách rời giữa nông nghiệp và công nghiệp..... | 538 |
| Ý kiến của ông Kha-ri-dô-mê-nốp 539. — Những trung tâm phi nông nghiệp 540 - 541. — Tính chất quá độ của công trường thủ công 541 - 543. — Trình độ văn hóa của dân cư được nâng cao 542 - 543. | |
| V. Kết cấu kinh tế của công trường thủ công..... | 544 |
| Tình hình sản xuất 544 - 545. — Ý kiến của ông Ôp-xi-an-ni-cốp 545 và của Kha-ri-dô-mê-nốp 546 - 548. | |
| VI. Tư bản thương nghiệp và tư bản công nghiệp trong công trường thủ công. "Người bao mua" và "chủ xưởng"..... | 548 |
| Sự liên hệ giữa các xí nghiệp lớn và nhỏ 548 - 551. — Sai lầm của phái dân túy 551 - 552. | |
| VII. Lao động làm ở nhà cho nhà tư bản là bộ phận phụ thuộc vào công trường thủ công..... | 552 |
| Mức độ phổ biến của hình thức lao động này 552 - 553, những nét đặc trưng của nó 553 - 557, những điều kiện sự phổ biến hình thức này 557 - 559, ý nghĩa của nó trong thuyết nhân mãn 559 - 561. | |
| VIII. Thế nào là công nghiệp "thủ công"?..... | 561 |
| Một vài số liệu tổng hợp về thống kê thợ thủ công 561 - 563. — Công nhân làm việc theo kiểu tư bản chủ nghĩa chiếm đa số 563 - 565. — Tính chất không rõ ràng của khái niệm "thợ thủ công" và những sự lạm dụng thuật ngữ này 566 - 568. | |
| <i>Chương VII. Sự phát triển của đại công nghiệp cơ khí</i> | 571 - 695 |
| I. Khái niệm khoa học về công xưởng và giá trị của việc thống kê các "công xưởng và nhà máy"..... | 571 |
| II. Thống kê các công xưởng và nhà máy ở nước ta..... | 573 |
| Các nguồn của thống kê này 573 - 575. — Những tài liệu được công bố của những năm 60 575 - 578. — Tính chất đặc biệt của "Tập thống kê quân sự" 577 - 580. — Tập "Bản chỉ dẫn" của ông Ốc-lốp 580 - 582. — "Tập số liệu" của Cục công thương 582 - 584. — "Tập tài liệu về | |

| | |
|---|-----|
| nước Nga năm 1884 - 1885"; những sai lầm của ông Ca-rư-sép 584 - 586. — Những tài liệu của các ban thống kê tỉnh 586 - 587. — Tập "Danh sách" 587 - 588. — Số lượng công xưởng ở Nga có tăng lên không? 589 - 590. | |
| III. Phân tích những tài liệu thống kê lịch sử về sự phát triển của công nghiệp lớn..... | 590 |
| 1) Công nghiệp dệt..... | 591 |
| 2) Công nghiệp chế biến gỗ..... | 598 |
| 3) Công nghiệp hóa chất, ngành chế biến sản phẩm súc vật, ngành đồ gốm..... | 599 |
| 4) Công nghiệp luyện kim..... | 603 |
| 5) Công nghiệp thực phẩm..... | 604 |
| 6) Những ngành công nghiệp phải nộp thuế gián thu và những ngành khác..... | 607 |
| 7) Kết luận..... | 610 |
| IV. Sự phát triển của công nghiệp hầm mỏ..... | 611 |
| U-ran, những đặc điểm của nó 611 - 616. — Miền Nam 616 - 620. — Cáp-ca-dơ 620 - 621. — Những mỏ lớn và nhỏ ở vùng Đô-nê-txơ 621 - 623. — Ý nghĩa của các tài liệu về sự phát triển của công nghiệp hầm mỏ 623 - 625. | |
| V. Số công nhân các xí nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa có tăng không?..... | 626 |
| Những tài liệu về các năm 1865 và 1890 626 - 629. — Phương pháp sai lầm của phái dân túy 630 - 639. | |
| VI. Thống kê những động cơ chạy bằng hơi nước..... | 639 |
| Những tài liệu về các năm 1875 - 1878 và 1892 639 - 641. | |
| VII. Sự phát triển của các công xưởng lớn..... | 641 |
| Những tài liệu về các năm 1866, 1879, 1890 và 1894/1895 641 - 650. — Những xí nghiệp cực lớn trong công nghiệp công xưởng - nhà máy và trong công nghiệp hầm mỏ 650 - 651. — Những sai lầm của ông N. — ôn 651 - 653. | |
| VIII. Sự phân bố của công nghiệp lớn..... | 653 |
| Những tài liệu về các trung tâm quan trọng nhất | |

| | |
|---|-----------|
| của công nghiệp công xưởng - nhà máy trong năm 1879 và 1890 653 - 654. — Ba loại trung tâm 654 - 657. — Phân nhóm các trung tâm 657 - 659. — Sự phát triển của các trung tâm công xưởng ở nông thôn và ý nghĩa của sự phát triển đó 659 - 662. | |
| IX. Sự phát triển của lâm nghiệp và của công nghiệp xây dựng..... | 662 |
| Sự phát triển của lâm nghiệp 662 - 664; tổ chức của nó 664 - 668. — Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp xây dựng 668 - 673. | |
| X. Những cái phụ thuộc vào công xưởng..... | 673 |
| XI. Công nghiệp và nông nghiệp hoàn toàn tách rời nhau..... | 677 |
| Sai lầm của phái dân túy 677 - 678. — Những tài liệu thống kê của hội đồng địa phương về tình hình vệ sinh ở tỉnh Mát-xcơ-va 678 - 683. | |
| XII. Ba giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp Nga..... | 683 |
| Mối liên hệ giữa tất cả các giai đoạn 683 - 685. — Những đặc điểm của kỹ thuật 685 - 686. — Sự phát triển của các quan hệ tư bản chủ nghĩa 686 - 687. — Tính chất của sự phát triển của công nghiệp 687 - 688. — Công nghiệp tách khỏi nông nghiệp 688 - 690. — Những sự khác nhau về điều kiện sinh hoạt 691 - 694. — Sự phát triển của thị trường trong nước 695. | |
| Chương VIII. Sự hình thành của thị trường trong nước..... | 696 - 759 |
| I. Sự phát triển của lưu thông hàng hóa..... | 696 |
| Sự mở mang các đường sắt 696 - 697, giao thông đường thủy 697 - 699, thương nghiệp và ngân hàng 700 - 702 | |
| II. Nhân khẩu công thương nghiệp tăng thêm..... | 702 |
| 1) Sự phát triển của thành thị..... | 703 |
| 2) Tầm quan trọng của việc di dân trong nước..... | 707 |
| 3) Sự phát triển của những tiểu khu và những thị trấn công thương nghiệp và công xưởng..... | 711 |
| 4) Nghề phụ phi nông nghiệp làm ở ngoài làng ... | 714 |
| Những nghề phụ phi nông nghiệp làm ở ngoài | |

| | |
|---|-----------|
| làng 714 - 731, quy mô và sự phát triển của những nghề đó 719 - 724, vai trò tiến bộ của những nghề đó 724 - 729, sự đánh giá của các tác giả dân túy về những nghề đó 729 - 731. | |
| III. Việc sử dụng lao động làm thuê ngày càng tăng..... | 731 |
| Số lượng ước lượng về công nhân làm thuê 731 - 734. — Nhân khẩu thừa tư bản chủ nghĩa 734 - 736. — Sai lầm của phái dân túy 734 - 739. | |
| IV. Sự hình thành của thị trường nhân công trong nước..... | 739 |
| Những sự di chuyển quan trọng nhất của công nhân làm thuê gắn liền với mức tiền công 739 - 744. — Sự hình thành của thị trường trong nước 744 - 745. — "Lý luận" của ông N. — ôn 745 - 746. | |
| V. Vai trò của các tỉnh biên khu. Thị trường trong nước hay thị trường ngoài nước?..... | 746 |
| Xu hướng của chủ nghĩa tư bản đi tới mở rộng 746 - 748. — Thí dụ về Cáp-ca-dơ 748 - 750. — Hai mặt của quá trình hình thành thị trường 750 - 753. | |
| VI. "Sứ mệnh" của chủ nghĩa tư bản..... | 753 |
| Nâng cao năng suất lao động xã hội 753 - 755. — Xã hội hóa lao động 756 - 758. — Nguyên nhân của sự bất đồng với phái dân túy 758 - 759. | |
| <i>Phụ lục:</i> | |
| I. Biểu đồ tổng hợp các số liệu thống kê về các nghề thủ công nhỏ của nông dân tỉnh Mát-xcơ-va (của chương V, tr. 430) ở giữa các trang..... | 759 - 760 |
| II. Bản tổng hợp số liệu thống kê về công nghiệp công xưởng và nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu (của chương VII, tr. 574)..... | 760 |
| III. Những trung tâm chính của công nghiệp công xưởng và nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu (của chương VI, tr. 655). | 762 |
| II | |
| MỘT SỰ PHÊ PHÁN KHÔNG CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN. | |
| (Bản về bài của ông P. Xcơ-voóc-txốp "Sự sùng bái hàng hóa" trong tạp chí "Bình luận khoa học", số 12, năm 1899)..... | 769 - 803 |
| I..... | 771 |

| | |
|---|-----------|
| II..... | 781 |
| III. | 790 |
| Chú thích | 805 - 839 |
| Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến..... | 840 - 916 |
| Bản chỉ dẫn tên người..... | 917 - 969 |
| Những ngày tháng liên quan tới quá trình V. I. Lê-nin viết cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga". | 970 - 980 |

PHỤ BẢN

| | |
|---|-----------|
| Chân dung của V. I. Lê-nin. — 1897 | XVII - 1 |
| Bìa lần xuất bản thứ nhất cuốn sách của V. I. Lê-nin "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga". — Năm 1899 | 3 |
| Bìa lần xuất bản thứ hai cuốn sách của V. I. Lê-nin "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" có chữ ký của tác giả. — Năm 1908 | 11 |
| Bìa trong cuốn sách của C. Mác "Tư bản", quyển I, xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức (1872) mà V. I. Lê-nin đã sử dụng | 19 |
| Bìa trong cuốn sách của C. Mác "Tư bản", quyển II, xuất bản bằng tiếng Đức (1885) mà V. I. Lê-nin đã sử dụng | 33 |
| Bìa cuốn sách của C. Mác "Tư bản", quyển III, phần I, xuất bản bằng tiếng Đức (1894) mà V. I. Lê-nin đã sử dụng | 47 |
| Các trang 276 - 277 trong tập thống kê về tỉnh Pôn-ta-va (t. XIV, 1894), kèm theo những chỗ đánh dấu của V. I. Lê-nin.... | 144 - 145 |
| Bản đồ giải về hai bảng A và B thuộc § IX trong chương II | 162 - 163 |
| Một trang của quyển vở V. I. Lê-nin cùng với những đoạn trích và chỗ tính toán rút trong cuốn sách của N. A. Bla-gô-vê-sen-xki "Tập thống kê tổng hợp" (năm 1893).... | 166 - 167 |
| Trang 96 trong tạp chí "Bắt đầu", số 3, năm 1899, trên đó có đăng sáu tiết đầu trong chương III của cuốn sách của V. I. Lê-nin "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" | 225 |
| Bảng tổng hợp về tình hình áp dụng các chế độ kinh tế ở | 235 |

| | |
|--|-----|
| Nga, do V. I. Lê-nin soạn ở trang 170 của tập "Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một số mặt của nền kinh tế quốc dân Nga", tập I, Xanh Pê-téc-bua. 1897..... | |
| Bản đồ giải những con số tổng kết trong biểu đồ các nghề phụ, biểu đồ ở § IV, chương V | 437 |
| Sự mô tả bằng hình vẽ về tổ chức của nghề nện dạ | 488 |
| Trang 499 của lần xuất bản thứ hai (1872) quyển I bộ "Tư bản" của C. Mác có những chỗ ghi chú của V. I. Lê-nin | 569 |
| Trang 405 của cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" (lần xuất bản thứ hai, năm 1908) có những chỗ ghi chú của V. I. Lê-nin | 647 |
| V. I. Lê-nin phân nhóm các thành phố ở phần nước Nga thuộc châu Âu, căn cứ theo các tài liệu điều tra dân số năm 1897 | 705 |